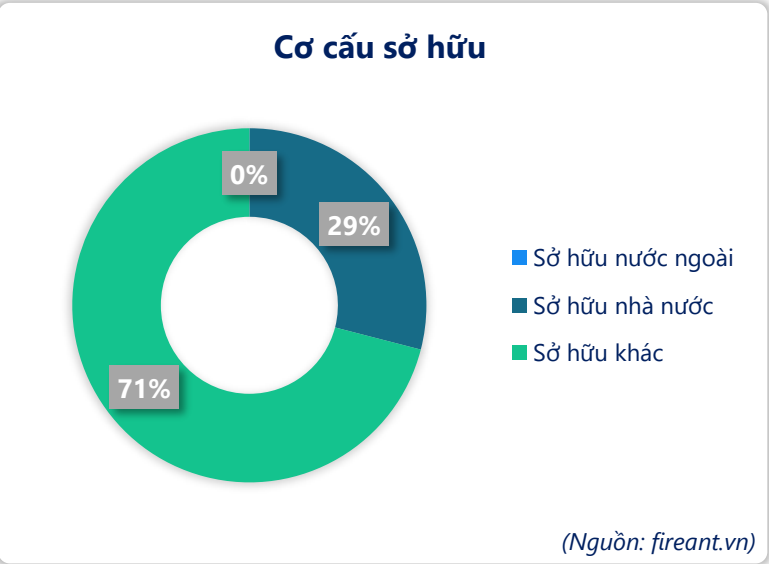
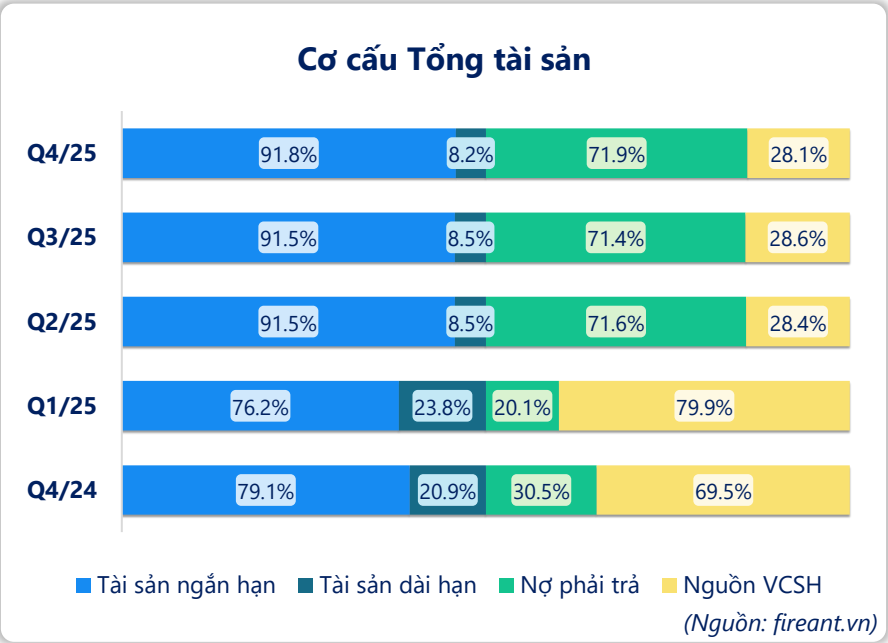
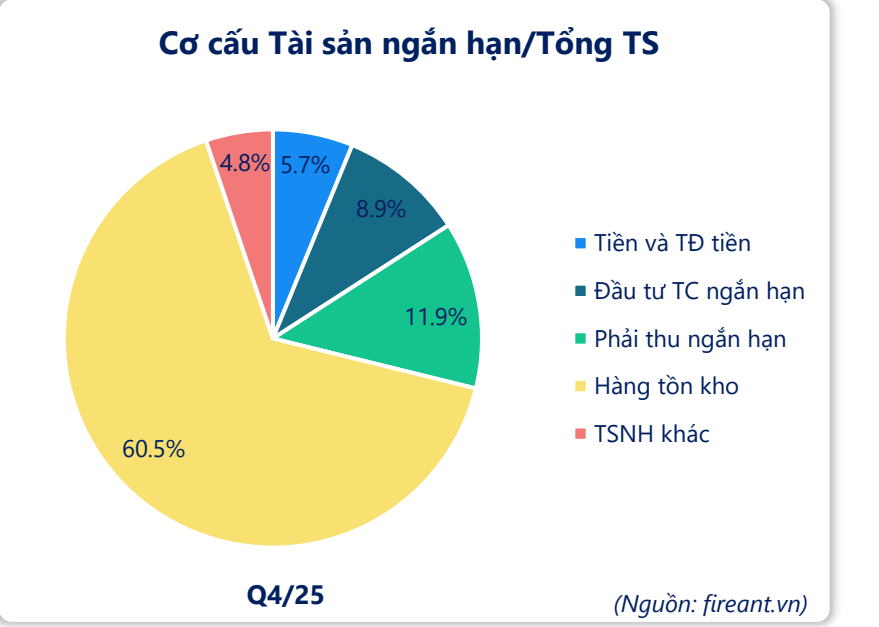
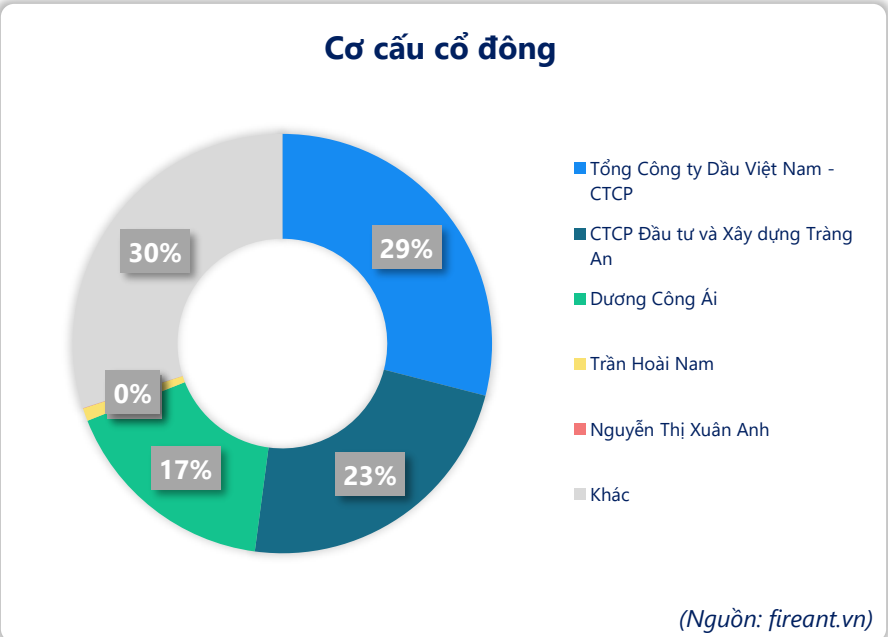
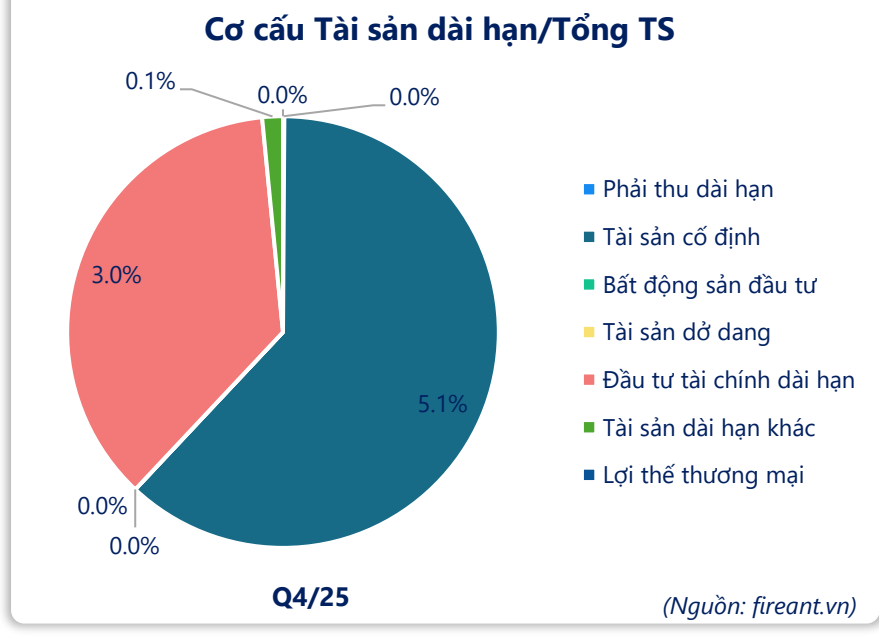
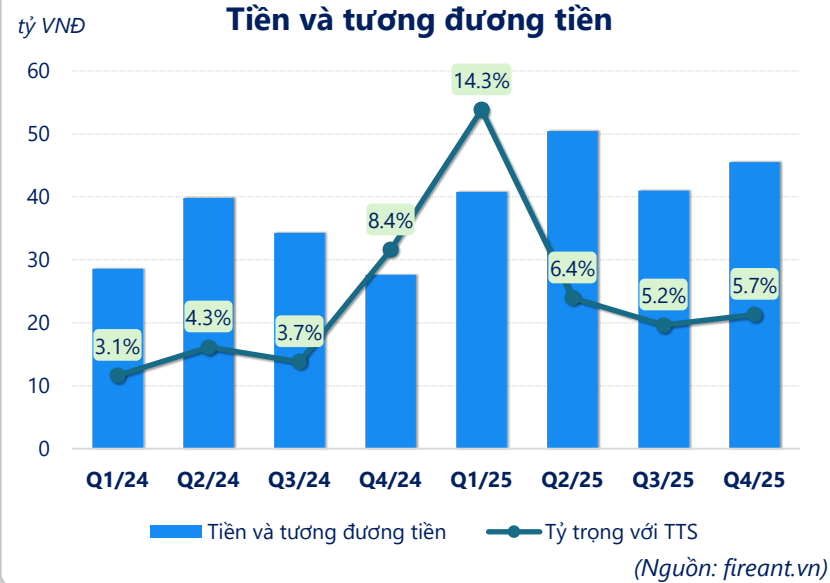
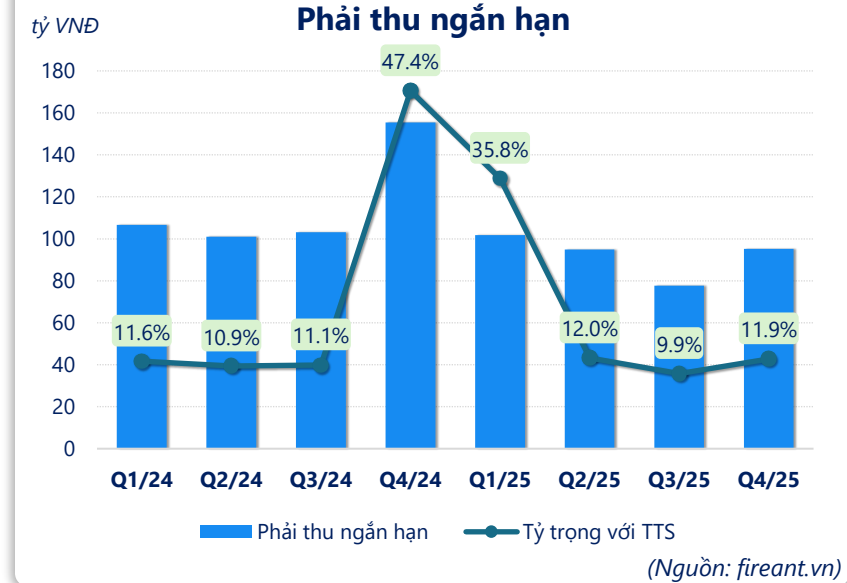
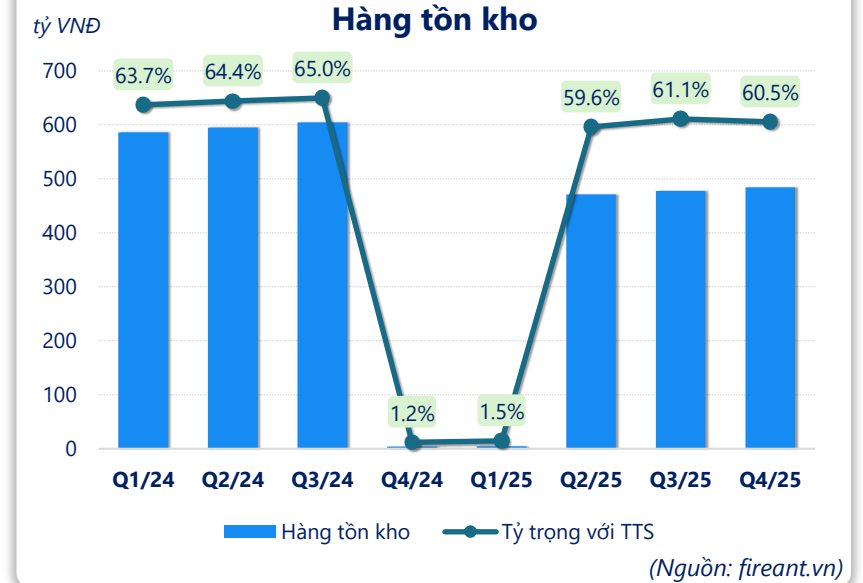
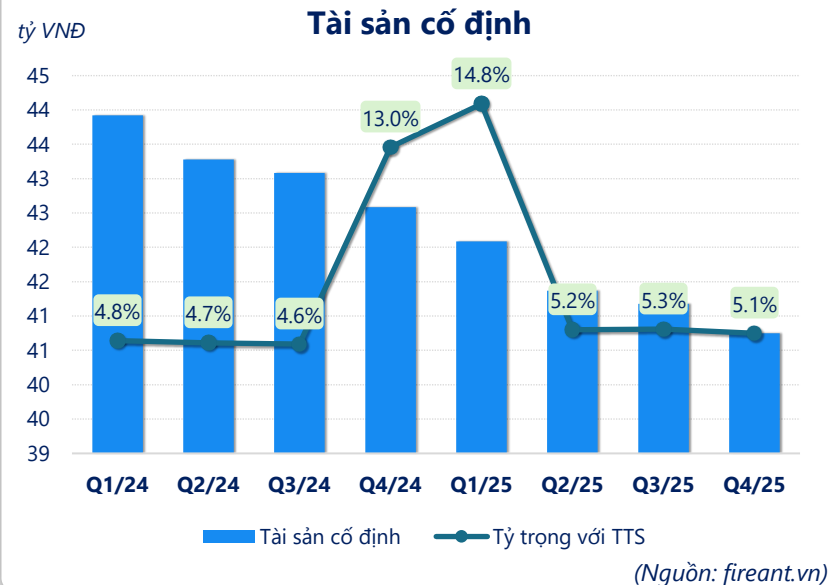
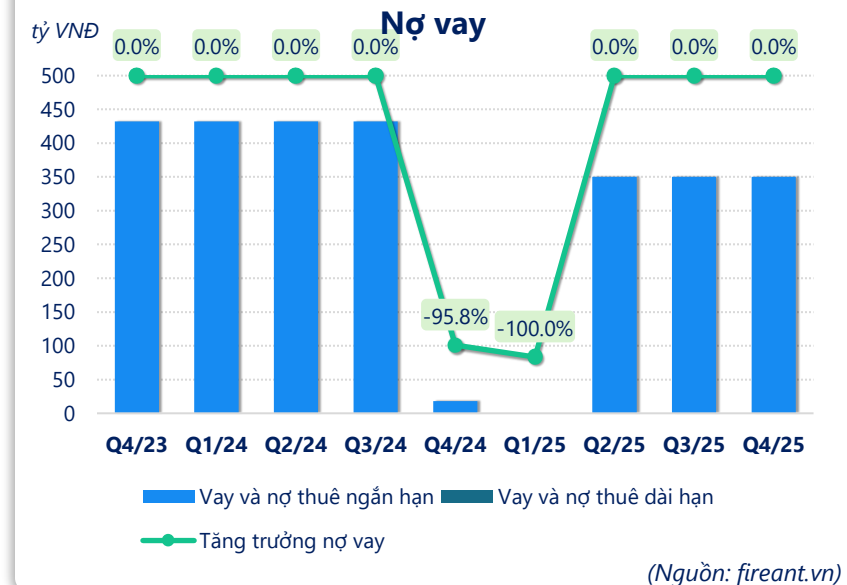
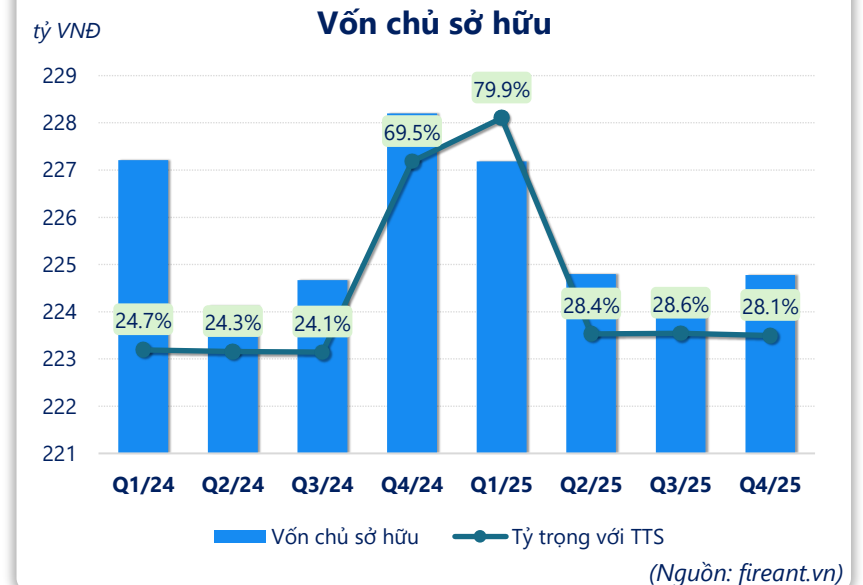
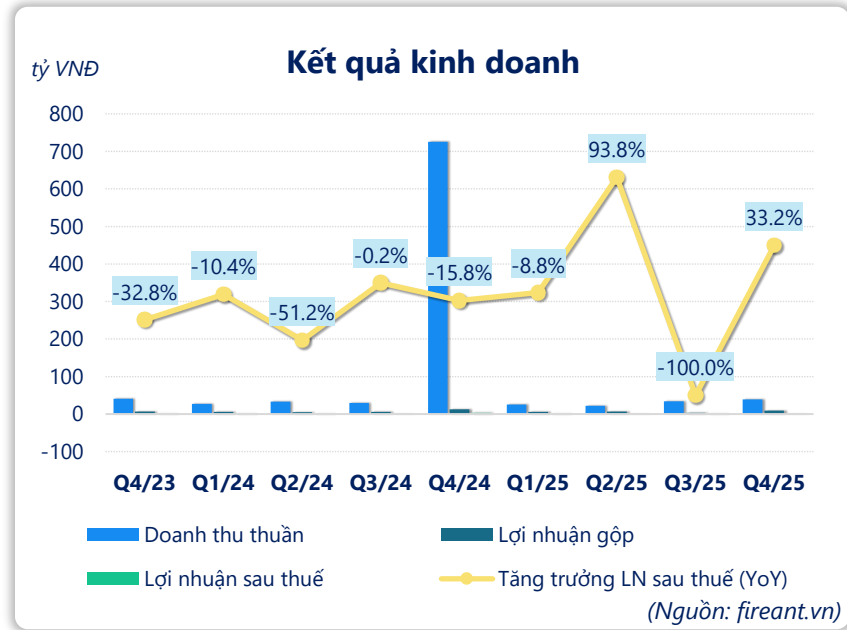
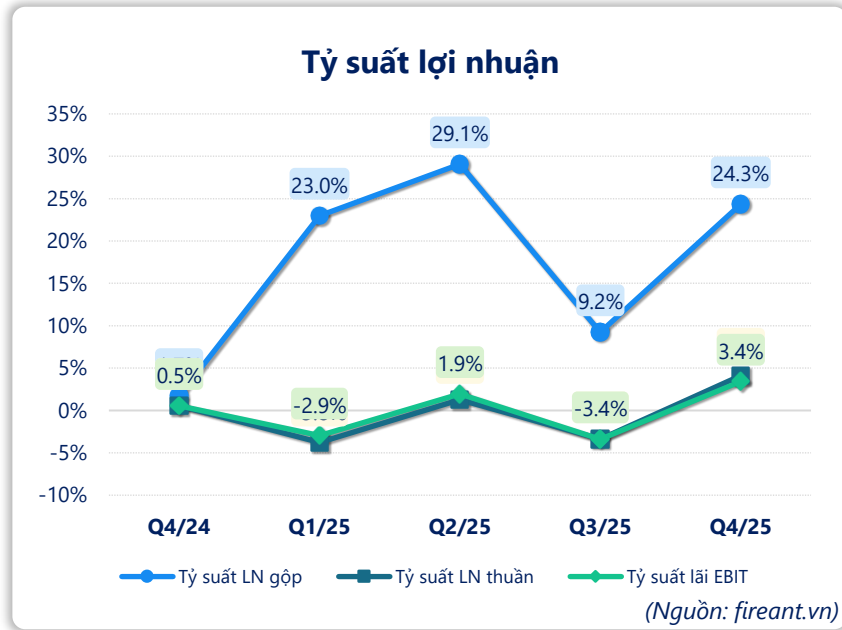
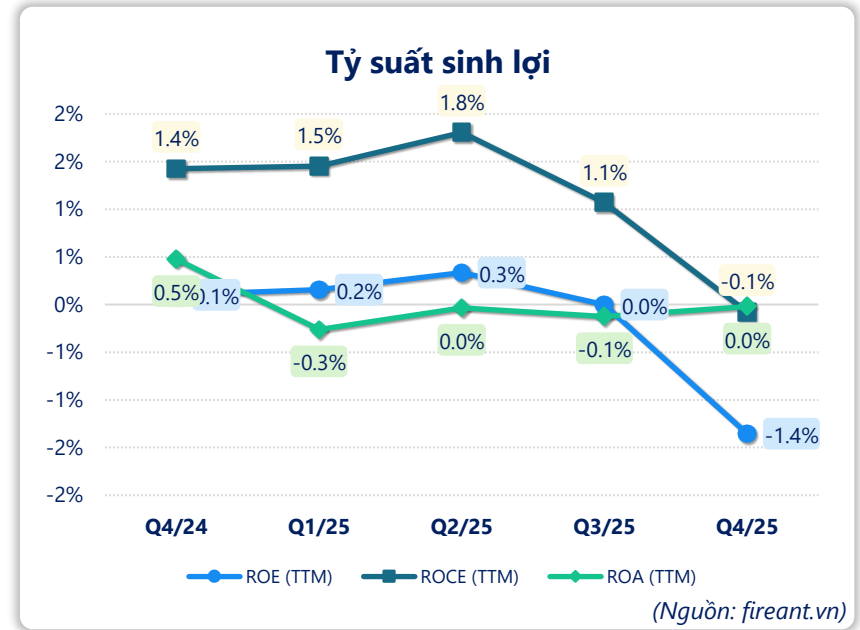
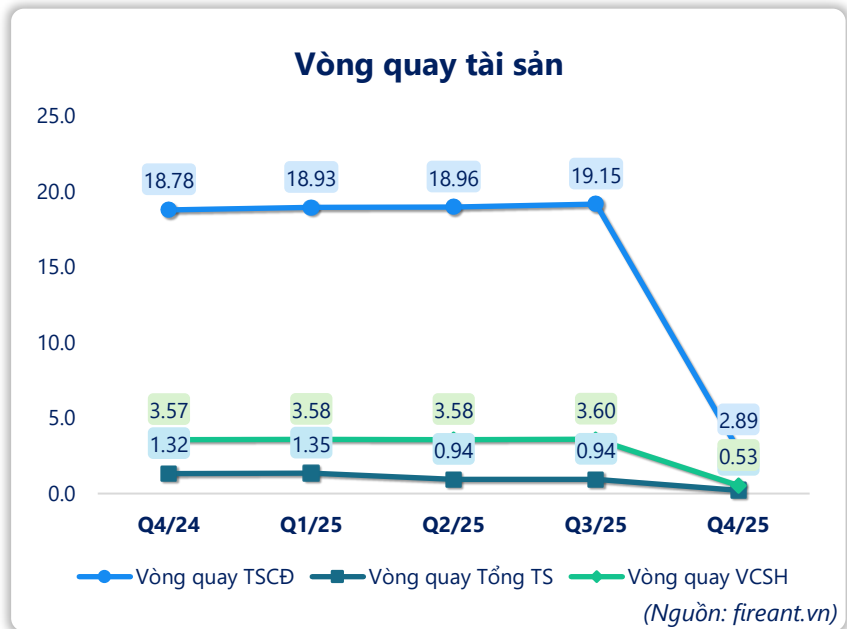
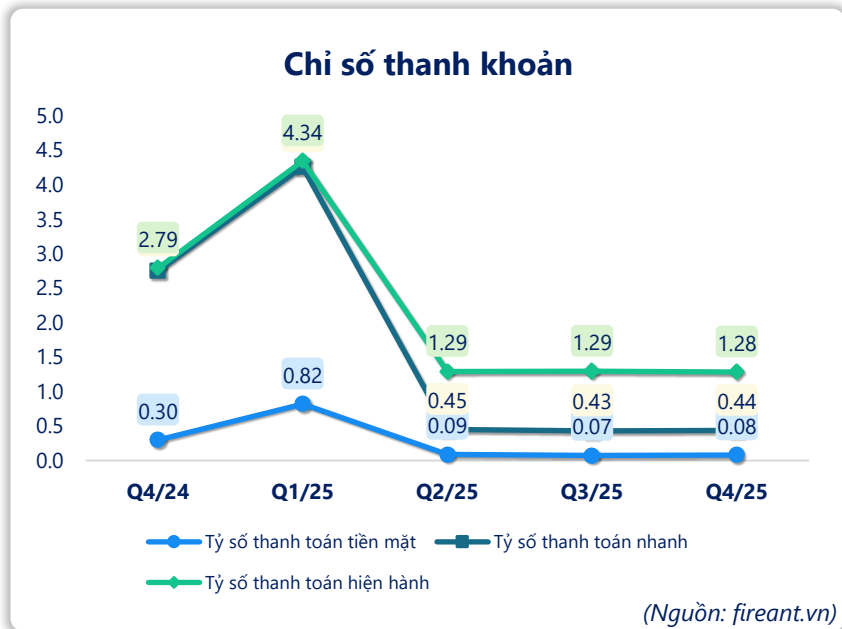
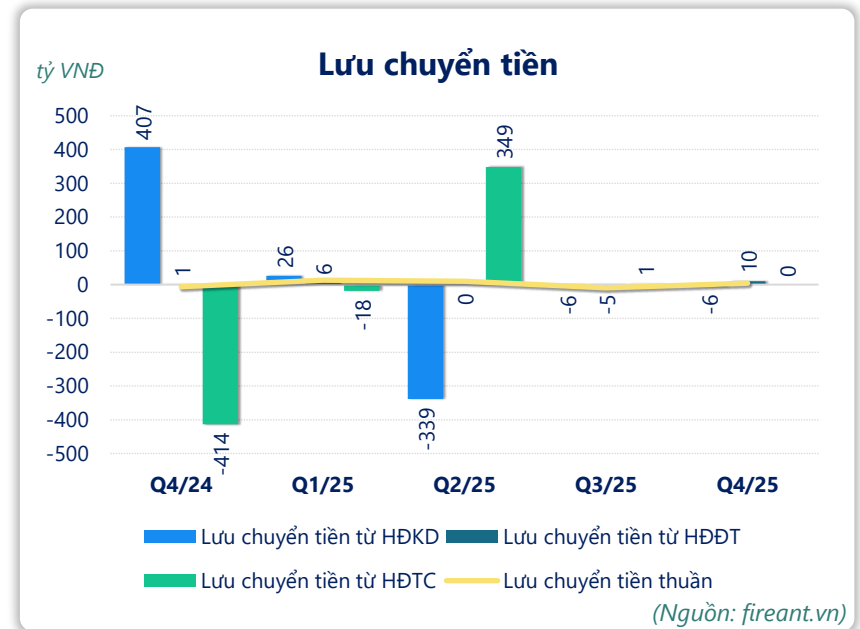


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,100
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,500
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		74
P/E		-24.1
EPS		-153

	YTD	1T	3T	6T
PTV	-7.5%	0.0%	-2.6%	-5.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	800	328	144%
Tài sản ngắn hạn	734	260	183%
Tiền và tương đương tiền	45.5	27.6	64.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.2	72.6	-1.9%
Phải thu ngắn hạn	95.1	155	-38.7%
Hàng tồn kho	484	3.90	12308%
Tài sản ngắn hạn khác	38.1	0.49	7614%
Tài sản dài hạn	65.8	68.1	-3.4%
Phải thu dài hạn	0.07	0.05	34.7%
Tài sản cố định	40.7	42.3	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.02	1.62	-37.2%
Lợi thế thương mại	0	0.18	-100%
Nợ phải trả	575	100	475%
Nợ ngắn hạn	572	93.1	515%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	350	18.2	1821%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	19.2	59.1%
Nợ dài hạn	3.24	6.95	-53.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	228	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	225	228	-1.4%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	725	25.8	21.7	34.3	38.7
Giá vốn hàng bán	713	19.8	15.4	31.1	29.3
Lợi nhuận gộp	12.4	5.92	6.31	3.17	9.41
Doanh thu HĐTC	1.24	0.69	1.54	1.59	1.08
Chi phí TC	0.20	0.21	0.05	0.05	0.04
Chi phí lãi vay	0.09	0	0.01	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.09	1.51	0.90	0.74	0.85
Chi phí QLDN	7.44	5.87	6.63	5.13	8.02
LN thuần từ HĐKD	3.96	-0.97	0.27	-1.16	1.59
Lợi nhuận khác	-0.07	0.21	0.14	0	-0.27
LN trước thuế	3.89	-0.76	0.42	-1.16	1.32
Lợi nhuận sau thuế	3.53	-1.04	0.17	-1.16	0.84
LNST của CĐ cty mẹ	2.94	-1.58	-0.30	-1.06	-0.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	407	25.7	-339	-6.24	-5.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.61	5.69	-0.33	-4.58	10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-414	-18.2	349	1.34	0
Tiền đầu kỳ	34.3	27.6	40.8	50.4	41.0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.64	13.2	9.63	-9.48	4.55
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	27.6	40.8	50.4	41.0	45.5

(Nguồn: fireant.vn)